

ĐALAT: Tình Thương Và Nhớ

Lời người viết: Tôi viết bài này chỉ để riêng tặng những người sinh ra và lớn lên tại Đalat, trong đó có các cựu học sinh trường Bùi thị Xuân, Trần hưng Đạo, Việt Anh và nhiều trường khác nữa, cùng đọc để tưởng nhớ một thời thơ ấu của mình ở thành phố thơ mộng này.

Vì tôi không phải là nhà viết văn chuyên nghiệp, nên bài viết của tôi còn nhiều thiếu sót và vụng về đáng trách. Mong các bạn thông cảm.

Cha mẹ tôi người làng Vạn Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ai cũng biết xứ Huế đẹp và nên thơ như người đời thường ca tụng qua thơ văn và âm nhạc, nhưng Huế thường gặp nhiều thiên tai, bão lụt tàn phá hằng năm. Đời sống của người dân xứ Huế, trong đó có cha mẹ tôi, quanh năm cơ cực và đói nghèo giống như lời một bài hát của nhạc sĩ Phạm đình Chương đã miêu tả trong nhạc phẩm Hội trùng Dương của ông:

- Mùa đông thiếu áo, hè thời thiếu ăn.
- Trời hành cơn lụt mỗi năm

Làng Vạn Xuân, một ngôi làng nhỏ hiền hòa, không xa giòng Hương Giang êm đềm và chỉ cách Thành Nội của cố đô khoảng 10 cây số. Giòng họ nội ngoại của cha mẹ tôi đã sống và trải qua nhiều đời ở ngôi làng này. Đất đai ở đây khô cằn và sỏi đá, nên các loại cây trồng, nhất là lúa gạo thường không đủ để nuôi sống con người. Nhìn thấy tương lai quá mù mịt và không có lối thoát cho cuộc sống của gia đình, cha mẹ tôi đành ngậm ngùi bỏ nơi chôn nhau cắt rốn của mình, tạm biệt người thân rồi dắt díu nhau tìm về vùng đất hứa của miền Hoàng Triều Cương Thổ để mưu sinh trước năm 1938.

Thưa các bạn, những giòng mở đầu bài viết của tôi không liên quan gì đến Đalat, một thành phố đầy hoa thơm cỏ lạ và mát mẽ quanh năm của chúng ta. Nhưng tôi muốn trình bày để các bạn biết gốc gác của cha mẹ tôi từ đâu đến Đalat và anh em tôi đã lần lượt chào đời ở đó cho đến ngày khôn lớn trưởng thành tại thành phố ngàn thông này.

Các bạn Đalat thân mến, cha mẹ tôi kể rằng: vùng đất hứa này lúc bấy giờ còn nhiều xa lạ và vô vàn khó khăn đối với cha mẹ tôi. Đang ở chôn kinh kỳ thân quen

từ bao đời, mặc dầu cuộc sống quanh năm thực sự đói khổ, nhưng tối lửa tắt đèn, bà con thân thuộc vẫn có nhau, nương tựa vào nhau để sống còn. Bây giờ, cha mẹ tôi tứ cố vô thân, chân ướt chân ráo tại vùng rừng núi hoang vu và hoàn toàn xa lạ này. Dù phải đối mặt với nhiều gian nan vất vả, nhưng với bản tính cần cù và siêng năng vốn có của người dân quê xứ Huế, nên cha mẹ tôi luôn tâm niệm với hoài bão sẽ có cuộc sống ấm no, sung túc hơn cho đời mình và các con cháu về sau.

Ánh sáng hy vọng cho điều tốt đẹp đó vẫn còn ở cuối đường hầm nhưng cha mẹ tôi vẫn luôn tin rằng rồi đây cuộc đời này chắc chắn sẽ mỉm cười với mình mà thôi.

Người đời vẫn thường có câu nói: Đất lành thì chim đậu.

Các bạn Đalat của tôi ơi, vùng đất lành đó chính là Cité Saint Benoit do người Pháp khai phá khi họ đặt chân đến vùng Cao Nguyên Lâm Viên này, về sau được Việt hóa mà thành khu Chi Lăng bây giờ, nơi cha mẹ tôi đã quyết định dừng chân để an cư lạc nghiệp.

Ngoài ra, cha mẹ tôi còn kể cho chúng tôi nghe thêm nhiều điều thú vị lạ lùng khác nữa về vùng đất mới này.

Thời gian đầu, người Việt Nam ở các vùng miền khác của đất nước đến lập nghiệp ở khu Chi Lăng này còn thưa thớt lắm, chỉ có đôi ba gia đình lam lũ, neo nhóc từ miền Trung kéo nhau vào đây để tìm kế sinh nhai. Đa số những gia đình đến sau, đều sống rải rác ở một vài nơi của chốn khí ho cò gáy này. Họ là những người cùng khổ, là dân lao động chân lấm tay bùn, làm thuê cuốc mướn, đi phụ hồ xây nhà cửa, phu làm đường sá, quét dọn hoặc chăm bón vườn cây cảnh cho những gia đình dân sự người Pháp ở địa phương để đổi lấy bát cơm hằng ngày.

Trước năm 1938, khu Chi Lăng phần lớn là rừng rậm hoang vu. Nhìn quanh mình, chỉ có rừng thông bạt ngàn bao phủ, núi đồi âm u và trùng điệp nối đuôi nhau chạy dài bất tận, đầy huyền bí và mang nhiều nguy hiểm nên ít người dám lai vãng đến nơi này. Khi trời bắt đầu nhá nhem tối, mọi nhà đều phải lo đóng kín cửa để tránh cạp beo về rình mò, bắt tha người và súc vật.

Đêm khuya, các loài thú dữ thường về bắt heo gà của người dân trong vùng. Có thể nói, khu Chi Lăng lúc bấy giờ là nơi sương lam chướng khí đối với con người.

Như các bạn đều biết: Đalat của chúng ta thuộc miền cao nguyên Lâm Viên, nên buổi sáng trời rất lạnh. Mọi người đều co ro, miệng đánh bò cạp và thở ra khói, mặc dầu ai cũng có chiếc áo len dày hay áo dạ bên ngoài để giữ hơi ấm. Sương mù dày đặc bủa vây khắp nơi khi mặt trời còn ngái ngủ trên đỉnh núi Langbian hùng vĩ. Lúc mặt trời lên cao khỏi ngọn thông già thì sương mù cũng tan dần để nhường chỗ cho những tia nắng đầu ngày tràn vào nhà cửa.

Cách xa nhà cha mẹ tôi ở khoảng ba cây số, dưới chân một ngọn núi được người dân nơi đây thường gọi là núi Bà, có một hồ nước nhỏ, nước hồ trong xanh quanh năm. Tôi chỉ nghe những người dân đến ở đây trước cha mẹ tôi kể lại: vị trí hồ nước này trước đây là miệng một ngọn núi lửa. Sau khi đã nguội lạnh và không còn hoạt động nữa, nó để lại một hố sâu. Nước ở các dốc cao trên núi đổ về tạo thành một hồ nước thiên nhiên. Cảnh vật âm u buồn thảm và vắng vẻ quá, nên ít người lui tới viếng thăm. Nhìn thấy phong cảnh hồ có vẻ đẹp thơ mộng không chệ vào đâu được, nhưng lại mang nhiều nỗi buồn muôn thuở nên người Pháp mới đặt tên là Lac des Soupirs, rồi người Việt Nam chúng ta dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt cho tiện việc sổ sách và gọi là hồ Than Thở. Tên gọi này nghe gọi cảm và đúng quá, phải không các bạn?

Từ hồ Than Thở chạy dài cho đến ấp Thái Phiên bây giờ (ấp này trước đây chưa có tên), nếu đi sâu vào những dãy núi xa về hướng giáp với thành phố Phan Rang và Nha Trang thuộc hai tỉnh Ninh Thuận và Khánh Hòa bây giờ, chỉ có những con đường mòn của đồng bào Thượng thuộc nhiều bộ tộc khác nhau sinh sống, đi lại để săn bắt thú rừng, làm rẫy. Khi người Việt đến định cư ở khu Chi Lăng, những bộ tộc thiểu số này mới có thêm nhiều con đường mòn khác từ buôn làng của họ dẫn đến các khu vực có người Việt Nam cư ngụ để trao đổi phẩm vật với nhau. Thỉnh thoảng họ kéo nhau đi từng đoàn, đàn ông thì đóng khố, đàn bà để ngực trần đen bóng, lưng đeo chiếc gùi, tay cầm xà gạc hoặc cây gậy bằng tre để chống đỡ chiếc gùi nặng sau lưng mỗi khi dừng chân nghỉ mệt. Họ nối đuôi nhau đi thành hàng một, đem theo heo gà, măng rừng, những bó ngô dầu để nhóm lửa, trao đổi với người Việt Nam sống ở khu Chi Lăng và một vài nơi khác thuộc thành phố Đalat để lấy muối và cá mè khô. Đây là những thực phẩm cần thiết cho đời sống hằng ngày của các bộ tộc thiểu số này.

Dần dần, người Việt Nam tìm về định cư ở khu Chi Lăng ngày một đông hơn. Với bản tính cần cù, chịu thương chịu khó của mình, người dân xin phép chính quyền

địa phương để khai phá thêm đất đai, đốt rừng làm rẫy, trồng các loại hoa màu, rau trái để buôn bán với nhau.

Những khu rừng già trước đây, nay bị đẩy lùi xa dần, tạo thêm nhiều không gian sống cho con người. Từ đó, những vườn rau xanh cùng các loài cây ăn trái khác nhau được tiếp tục trải dài thêm cho đến vùng giáp ranh với Trại Mát ngày nay, đã mang lại thêm nhiều của cải cho người dân sống ở khu vực này. Đó đây, xuất hiện thêm những ngôi nhà mới khang trang hơn, đầy đủ tiện nghi hơn và đẹp hơn trước nhiều.

Các bạn Đalat ơi, điều này đã chứng tỏ cho mọi người thấy rằng khu Chi Lăng của anh em chúng tôi đã tiến triển một cách ngoạn mục, ngày càng đi lên trong bộ mặt mới của khu dân sinh này

Bước chân canh tác của người dân lấn dần đến đâu thì cây rừng trồng đến đó, nên các loài thú dữ cũng không còn môi trường sống và tồn tại ở khu vực này như trước đây. Sự nguy hiểm vì bị thú dữ vồ và sát hại cũng không còn xảy ra nữa.

Tiếng lành đồn xa, nên người Việt Nam các nơi lại kéo nhau về đây để lập nghiệp, phát triển thêm nhiều ngành nghề khác nhau. Cảnh buôn bán của người dân chung quanh khu vực gia đình cha mẹ tôi ở ngày càng nhộn nhịp và tấp nập hơn trước nhiều.

Lúc này, đường sá cũng bắt đầu được chính quyền cho mở mang dần dần. Con đường từ nhà tôi dẫn về trung tâm thành phố Đalat vẫn còn nhỏ hẹp, hai bên đường còn nhiều rừng rậm chưa được phát quang. Đường đất nện được trải loại đá dăm nhỏ để tránh trơn trượt, nhưng không giữ được lâu bền do bị nước mưa xói mòn thường xuyên, nên có nhiều ổ gà nằm rải rác đó đây, gây nhiều khó khăn cho sự đi lại của người dân.

Hàng tuần, vào mỗi sáng thứ hai, mẹ tôi đưa tôi đi học bằng xe ngựa để đến trường.

Đây là phương tiện chuyên chở hành khách độc nhất ở khu Chi Lăng đi về phố thị. Xe ngựa chạy lóc cọc trên đoạn đường chỉ hơn năm cây số, nhưng mất nhiều thời gian vì đường gồ ghề và dần xóc. Vào chiều thứ sáu, mẹ tôi lại đến đón tôi về sống với gia đình vào hai ngày cuối tuần.

Tôi còn nhớ năm tôi 6 tuổi, tôi học lớp tư trường tiểu học Đoàn thị Điểm (bây giờ gọi là lớp 2). Lúc bấy giờ, tôi học với thầy Trình là người dạy lớp tư ở ngôi trường này. Nhắc đến thầy Trình, một người thầy khả kính, tôi chắc chắn những bạn nào cùng học một lớp với tôi ở thời gian này đều biết thầy phải không các bạn?

Vì nhà tôi ở xa trung tâm thành phố, sự di chuyển lại khó khăn, nên từ năm học lớp tư cho đến hết bậc tiểu học, tôi phải ở trọ nhà thầy Trình để đi học cho tiện. Nhà thầy nằm ở giữa đường dốc Nhà Làng. Con đường dốc nhỏ lát đá này bây giờ vẫn còn đó, người ta vẫn gọi là đường dốc Nhà Làng thân thương như ngày xưa. Tuy con đường này của chúng ta vẫn còn tồn tại theo thời gian, nhưng người xưa thì ít nhiều không còn hiện hữu ở đây nữa. Một số đã qua đời, một số đã theo con cháu định cư ở nước ngoài. Nhân dịp về thăm quê nhà ở Đalat, tôi có ghé lại con đường này để tìm thăm gia đình thầy. Tôi được biết thầy và cô đã mất từ lâu, các con thầy bây giờ đều định cư ở Mỹ. Căn nhà thầy ở ngày xưa, bây giờ là nhà từ đường của họ Trần (họ của thầy) do một người bà con của thầy coi sóc và nhang khói hằng ngày.

Các bạn Đalat ơi, thời còn đi học, ngày hai buổi đi về, số đông các bạn đều đã đi qua con đường dốc Nhà Làng này phải không? Khi xuống hết dốc, một số các bạn rẽ phải để về đường Phan đình Phùng, một số quẹo trái để xuôi về Hoàng Diệu Lò Gạch hay Cam Ly, một số đổ về đường Hai Bà Trưng rồi chạy dài về khu số 4, số 6 và xa hơn nữa.

Sau hơn nữa thế kỷ đã đi qua, nhưng tôi vẫn còn nhớ mãi những cử chỉ âu yếm và lòng thương con vô bờ của mẹ tôi cho đến tận bây giờ. Khi mẹ tôi đưa tôi đến tận trường, trước khi quay gót trở về lại nhà theo chuyến xe ngựa ra đi buổi sáng, lúc nào mẹ tôi cũng vỗ về, sợ tôi khóc vì nhớ nhà, nhớ cha mẹ và nhớ các em. Mẹ tôi không quên mua bỏ vào ngăn đựng sách vở của tôi một gói kẹo nhỏ để cho tôi có thêm chút ngọt trong tuần. Vì tuổi còn bé quá, nên khi mẹ tôi vừa quay gót đi, thì hai hàng nước mắt của tôi cũng tuôn rơi theo. Tay lau nước mắt, nhưng tôi vẫn nhìn theo hình bóng của mẹ tôi với chiếc xe ngựa đang khuất dần trên đường dốc chợ Hòa Bình. Ngoài ra, mẹ tôi còn cho tôi một số tiền nhỏ đủ để ăn quà sáng ở chợ Hòa Bình trước khi vào lớp.

Chợ Hòa Bình bây giờ vẫn còn đó, vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, nhưng đã mất tên rồi. Ngày nay, người ta đã đổi tên chợ này thành rạp chiếu bóng 3 tháng 2. Tôi

nghĩ rằng, các bạn cũng như tôi, không bao giờ chúng ta quên được chợ Hòa Bình, ngôi chợ đầu tiên ở thành phố này của chúng ta.

Cứ vào mỗi buổi sáng, tôi thường ghé đến ngôi chợ này, ngồi trên chiếc đôn nhỏ bằng gỗ để ăn bánh căn, một loại bánh mà bọn con nít chúng mình đứa nào cũng thích ăn, phải không các bạn Đalat của tôi? Bây giờ, mỗi khi có dịp về thăm lại quê nhà, tôi vẫn đi tìm ăn món bánh bình dân này. Nói đến bánh căn Đalat, tôi nghĩ rằng các bạn đều đồng ý với tôi, món bánh dân dã và mộc mạc này vẫn luôn ngự trị trong tâm hồn chúng ta từ ngày còn bé dại cho đến tận bây giờ mà đầu đã hai thứ tóc, nhưng chúng ta không thể nào quên được món bánh đầy hương vị đậm đà của quê hương mình phải không? Tôi xin nhắc nhở với các bạn Đalat, nếu các bạn có dịp về thăm quê nhà và các bạn lại thích ăn bánh căn thì hãy tìm về dốc Nha Địa Dư hỏi thăm tiệm bánh căn bà Mười ở khu vực này nằm ở đâu để đến thưởng thức món bánh này.

Tiệm bánh căn của bà Mười ngon nhất, sạch sẽ nhất và nổi tiếng nhất tại Đalat hiện nay. Khách người Việt ở nước ngoài hay ở phương xa, khi có dịp ghé Đalat đều đến đây thưởng thức để xem hư thực ra sao. Tôi không phải là người quảng cáo cho tiệm bánh bà Mười, vì ở Đalat của chúng mình còn nhiều tiệm bánh căn cũng ngon không kém tiệm bánh này đâu các bạn.

Các bạn Đalat thân mến, ngày tôi bước chân vào bậc trung học đệ nhất cấp cho đến năm 1956, khu Chi Lăng của anh em chúng tôi đã hoàn toàn thay da đổi thịt.

Vì nhìn thấy khu vực này có nhiều tiềm năng để mở mang thêm các lãnh vực khác nữa, nên những con đường đất đỏ nhỏ hẹp trước đây nay chính quyền đã cho tu sửa đồng thời cho làm thêm nhiều con đường mới để tiện việc giao thương. Đường được đổ đá và tráng nhựa chắc chắn hơn, rộng rãi và đẹp hơn trước, dùng cho xe cộ di chuyển và khách bộ hành đi lại được thoải mái hơn. Loại xe ngựa chở khách như ngày xưa khi tôi còn học tiểu học, bây giờ không còn hoạt động nữa. Đường sá đi lại được nhiều chiều, đường đi từ Chi Lăng về thành phố Đalat, đường đi về Trại Mát, Cầu Đất, Trạm Hành, đường về Trại Hàm và còn nhiều tuyến đường khác nữa để đi lại giữa khu vực này đến khu vực khác của thành phố. Phương tiện giao thông được tăng lên một bậc, xe đò chở khách ra đời chạy trên các tuyến đường mới mở, hoạt động ngày đêm như con thoi hai chiều nhộn nhịp suốt ngày.

Thời gian này, trường Võ Bị Liên Quân do người Pháp còn quản trị và huấn luyện

đang đóng ở Huế, cũng được dời về Đalat cho phù hợp với địa thế. Doanh trại và vị trí của trường này nằm gần khu vực đồn điền Faraud. Trường có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan Việt Nam cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa sau khi chính quyền Pháp rút khỏi Đông Dương.

Với khí hậu mát mẽ quanh năm như ở nước Pháp, nên chính quyền Bảo Hộ thời bấy giờ đã cho xây dựng tại Chi Lăng một bệnh viện được mang tên là Hopital Catroux. Bệnh viện này chỉ dành riêng để điều trị cho binh sĩ quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương mà thôi.

Nằm trên một ngọn đồi tương đối cao và bằng phẳng hơn ở phía sau bệnh viện là một dãy nhà dài dùng làm nơi ở cho nhân viên và lao công trực thuộc. Cách bệnh viện này không xa là một ngôi nhà lầu nhiều tầng lớn hơn, khang trang hơn dùng làm khu dưỡng bệnh và nghỉ mát cho quân nhân các cấp và nhân viên dân chính người Pháp. Công chức làm việc cho chính quyền bảo hộ ở Đalat, đa số là người Pháp, chỉ có một vài thông ngôn người Việt để giúp đỡ đồng hương của mình khi cần giao tiếp với cơ quan chính quyền địa phương.

Như đã nói ở phần trên, vùng đất này do người Pháp khai phá khi họ đặt chân đến đây, nên họ đã chiếm một số đất đai rộng lớn để làm đồn điền nuôi súc vật, gia cầm, trồng các loại rau quả như đồn điền của giòng họ Faraud. Hạt giống các loại cây trồng được họ đem từ Pháp qua. Người Pháp chọn những khu đất đẹp để xây dựng những biệt thự được thiết kế theo những kiểu nhà của Âu Châu thời bấy giờ. Các biệt thự này như những nét chấm phá với vẻ đẹp khác nhau, nằm rải rác đó đây chung quanh hồ Saint Benoit. Đây là một hồ nước nhân tạo do người Pháp cho đào để chèo thuyền, câu cá và tắm nắng vào những ngày trời nắng đẹp cuối tuần. Để cho dễ gọi, người Việt chúng ta gọi là hồ Mê Linh. Từ đất liền quanh hồ, người Pháp cho đắp đất nện kéo dài đến tận giữa hồ và xây trên khu đất đó một ngôi nhà hình tròn khá lớn, cao ráo và thoáng mát để làm câu lạc bộ khiêu vũ, nơi ăn uống sang trọng dành cho người Pháp

Hồ Mê Linh có một đập nước nhỏ. Nước từ hồ Than Thở len lõi qua những con lạch trong rừng để dẫn nước về hồ Mê Linh. Từ đây, nước chảy qua con đập nhỏ này rồi xuôi giòng về hồ Xuân Hương ở trung tâm thành phố Đalat. Tại đây, nước lại thoát qua đập cầu Ông Đạo, rồi từ đó tuôn chảy về các sông suối khác của vùng cao nguyên Lâm Viên này

Các bạn Đalat ơi, hồ Mê Linh cũng nổi tiếng đẹp và nên thơ không kém những hồ nước khác, vì mỗi hồ có những nét đẹp và đáng yêu khác nhau phải không? Các bạn cùng trang lứa với tôi ở khu Chi Lăng và những khu vực gần đó như Cầu Chun, ấp Hồng Lạc, ấp Cô Giang, đã có thời cùng bơi lội và tắm mát với tôi ở hồ này. Biết bao nhiêu kỷ niệm thân thương của anh em tôi ở khu Chi Lăng và của các bạn ở những khu vực lân cận kể trên, khi chúng ta còn sống với cha mẹ và người thân ở vùng đất này. Làm sao quên được những kỷ niệm thân thương đó phải không các bạn?

Viết đến đây, tôi chợt nhớ đến chị Thoa, một người bạn học thuở thiếu thời của tôi, chị ấy cũng ở khu Chi Lăng, cùng học một trường, một lớp với tôi ở trung học Phương Mai trước năm 1956, sau này đổi thành trường Bùi thị Xuân dành cho nữ sinh, còn nam sinh chuyển qua học Trần Hưng Đạo. Chúng tôi cùng học chung với nhau cho đến ngày khôn lớn trưởng thành rồi mỗi người mỗi ngả vì cuộc sống của riêng mình. Sau khi đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp, chị ấy thi vào ngành sư phạm rồi ra dạy học, còn tôi lêu bêu thêm mấy năm rồi nhập ngũ theo tiếng gọi của người trai thời loạn. Hiện nay chị Thoa cùng gia đình đều định cư ở Mỹ

Chuyện hồ Mê Linh cũng làm tôi ngậm ngùi, nuối tiếc và xót xa khi tôi về thăm gia đình người em gái của tôi còn sống tại ngôi nhà cũ ở Chi Lăng trước đây. Tôi cứ nghĩ rằng, dù vật đổi sao dời, dù thời cuộc có thay đổi sau năm 1975 thế nào đi nữa, thì hồ Mê Linh của anh em tôi vẫn đẹp, vẫn còn hiện hữu và vẫn trơ gan cùng năm tháng. Nhưng các bạn Đalat ơi, tôi da diết buồn vì hồ Mê Linh đã không còn nữa. Hồ đã hoàn toàn biến mất vì đám người từ miền Bắc, sau năm 1975 vào sống ở khu vực này, họ đã chiếm hồ, đổ đất lấp đầy rồi dựng lên trên đó những ngôi nhà nham nhở đồng thời chia nhau mỗi người một khoảng nhỏ để làm ao nuôi cá.

Buồn và thương quá, nhất là đối với những người sinh ra và lớn lên ở khu Chi Lăng và các vùng phụ cận, chắc chắn chúng ta đã có ít nhiều kỷ niệm suốt thời thơ ấu của mình với hồ này phải không?

Sau khi gia đình cha mẹ tôi đã tạm ổn định xong cuộc sống trong bước đầu, cha tôi tìm chỗ để mở một tiệm may nhỏ gần ngôi chợ chòm hẻm tự phát của người dân trên khoảng đất trống ở khu Chi Lăng để may thuê quần áo nam nữ cho người Việt ở địa phương, may vá đầm cho phụ nữ người Pháp ở các vùng lân cận để sinh sống.

Các bạn Đalat thân mến, tôi đã trình bày đôi nét tổng quát về địa thế và đời sống của người dân nơi cha mẹ tôi ở, để các bạn có thể hình dung được phần nào bức tranh âm đạm của buổi ban đầu tại vùng đất mới này. Mặc dầu khu Chi Lăng lúc bấy giờ của anh em tôi như thế đó, mọi người vẫn còn vật lộn với cơm áo hằng ngày, nhưng địa danh thân thương này là chiếc nôi đầu đời đã ru và ấp ủ anh em tôi từ tấm bé cho đến ngày khôn lớn trưởng thành.

Các bạn Đalat thân thương ơi, dù chúng ta chào đời ở khu Chi Lăng, Trại Hàm, Trại Mát, Hồng Lạc, Cầu Đất, Trại Hành hay Fi Nôm, dù chúng ta sống ở Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh hay ở tận Suối Vàng, Đan Kia, số 4 hay số 6 và còn nhiều địa danh khác nữa của miền cao nguyên Lâm Viên này, tôi chắc chắn rằng tất cả chúng ta đều là dân chính gốc Đalat, là con cháu của thành phố Hoa Đào, phải không các bạn?

Riêng đối với người phụ nữ Việt Nam ở Đalat nói chung, nhất là các nữ sinh ở tuổi trăng tròn, tuổi ô mai của những trường trung học ở thành phố nghìn hoa dị thảo này, hình như họ đều được trời đất ở đây ưu ái ban cho đôi môi luôn mọng đỏ như thoa son, đôi má trắng hồng và mịn màng như thoa phấn. Vì thế, tất cả chị em phụ nữ ở vùng đất này được người đời không tiếc lời ngợi khen: con gái Đalat má đỏ môi hồng là vậy. Hân hạnh và sung sướng quá phải không các bạn?

Một điều đặc biệt tôi muốn trình bày cùng các bạn nhưng ít người đề cập đến trong các bài viết của nhiều tác giả khi viết về thành phố thông reo này: đó là giọng nói của người Đalat. Các bạn cũng như tôi đều biết rằng, giọng nói của những người được sinh ra ở thành phố Hoa Đào, âm hưởng của họ khác hẳn với các vùng miền khác trên quê hương Việt Nam của chúng ta. Giọng nói Đalat không mang âm hưởng của người Saigon hay miền tây Nam Bộ, không giống giọng nói của người Bình Định, Quảng Nam hay Quảng Ngãi, lại càng khác xa giọng nói của người miền sông Hương núi Ngự, phải không các bạn?

Không nói gì đâu xa, những nơi chỉ cách thành phố Đalat của chúng ta vài chục cây số mà thôi. Xin các bạn hãy tưởng tượng: từ Đơn Dương thuộc địa phận Đalat, chạy xuống chân đèo Ngoạn Mục gần đập nước Đa Nhim là ranh giới của tỉnh Ninh Thuận Phan Rang cách nhau một đoạn đường chỉ hơn 30 cây số. Vậy mà giọng nói giữa Đalat và Phan Rang khác nhau một trời một vực. Các bạn thấy đúng không? Giọng nói của người Đalat chúng ta, tôi nghe hình như có vẻ ngọt ngào

hơn, dễ nghe hơn, rõ ràng hơn. Có lẽ vì tôi quá yêu thương Đalat, nên có phần chủ quan và thi vị hóa như thế mà thôi. Người ta thường nói rằng:

-Khi thương thì trái ầu cũng tròn, Khi ghét thì trái bồ hòn cũng méo.

-Khi thương nước đục cũng trong, Khi ghét nước sạch giữa giòng cũng dơ. Phải không các bạn?

Tôi mong các bạn ở những vùng miền khác hãy lượng thứ và châm chước cho tôi. Xin các bạn đừng giận hờn vì những ví dụ hồ đồ của tôi. Chân thành cảm ơn các bạn.

Thực tình mà nói: trên khắp mọi miền đất nước của chúng ta, thì âm hưởng và giọng nói của các bạn đều dễ thương như nhau. Tôi nghĩ rằng mỗi nơi mỗi vẻ, mỗi nơi đều có âm hưởng riêng, những đặc trưng riêng của vùng miền nơi mình được sinh ra, phải không các bạn? Riêng cá nhân tôi, một người được sinh ra và lớn lên tại Đalat, nhưng khi nghe giọng nói của cô gái chính gốc Huế vẫn làm cho tôi ngất ngây và xao xuyến trong lòng. Giọng người con gái cố đô luôn có chút gì êm ái, mượt mà mời gọi và thánh thót như chim hót líu lo trên cành. Tôi đã được nghe và được biết giọng nói của những cô gái đất Thần Kinh đã làm cho nhiều đấng mày râu của mọi miền mê mết, vì có nhiều người đã nói rằng:

- Học trò trong Quảng ra thi, Thấy cô gái Huế chân đi không đành.

Bây giờ tôi xin được trở về lại Đalat của chúng ta. Những người sinh ra và lớn lên ở thành phố thông reo này, tôi nghĩ rằng giọng nói đó, âm hưởng của nó hình như được pha trộn với khí hậu mát mẽ quanh năm của núi rừng cao nguyên, của những thác ghềnh Pongour, Gougah, Prenn, Cam Ly cùng mạch nước của hồ Xuân Hương hợp lại và hòa quyện với nhau mà tạo thành một giọng nói đặc trưng riêng của người Đalat. Tôi nói như thế, không biết có đúng không? Các bạn nghe có lọt lỗ tai không? Có hồ đồ lắm không, hỏi các bạn Đalat của tôi? Hay vì tôi quá yêu thành phố này của chúng ta mà tôi đã cường điệu như vậy. Nếu tôi có nhân cách hóa một cách thái quá, tôi xin các bạn hãy ủng hộ tôi, vì mèo khen mèo dài đuôi một tí, có sao đâu. Các bạn cũng như tôi, thành phố sương mù của chúng mình luôn nằm trong tim của mọi người. Dù ai nói ngã nói nghiêng, vẫn không thể xóa mờ được, phải không các bạn? Thành phố Hoa Đào lúc nào cũng cháy bỏng và đầy ắp trong tâm hồn của chúng ta, của những người con cùng một mẹ Đalat sinh ra mà

thôi.

Nói về sự thương nhớ đối với thành phố Đalat, tôi không biết các bạn có cùng tâm trạng và cảm xúc như tôi hay không? Riêng tôi, khi tìm thấy trên mạng một bài viết và hình ảnh nói về Đalat của bất cứ tác giả nào, tôi đều trân trọng và yêu quý bài viết đó của họ. Bài viết dù ngắn hay dài, dù đầy đủ hay thiếu một vài chi tiết của các địa danh mà tôi từng biết và đã đi qua, nhưng nếu bài viết đó có chút hơi hướm liên quan đến các nơi của thành phố này, tôi đều chăm chú đọc với nhiều đam mê. Tôi đọc từng chữ, từng câu, đọc từ đầu đến cuối để hy vọng bài viết và hình ảnh đó sẽ dẫn dắt tôi về khung trời thơ mộng cũ, để tôi tìm lại hình bóng bạn cũ, trường xưa của một thời thơ ấu của mình trước đây.

Nhắc lại những tháng ngày cũ ở Đalat, tôi lại chợt nhớ đến người bạn học cùng khóa 16 trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam năm 1959 với tôi: bạn Trần ngọc Toàn, người chính gốc Đalat như tôi, anh sinh ra và lớn lên ở ấp Hồng Lạc, gần ga xe lửa đẹp nổi tiếng của thành phố này. Có thời gian Toàn và tôi cùng học ở trường Phương Mai trước năm 1956. Cuối năm 1962, sau khi ra trường Võ Bị, mỗi đứa đổi về một đơn vị chiến đấu khác nhau cho đến ngày mất nước. Thỉnh thoảng, trên Diễn Đàn Khóa 16 Hải Ngoại, Toàn thường có những bài viết và hình ảnh nói về Đalat, do đó đôi lúc cũng làm tôi da diết buồn và thương nhớ hình bóng quê nhà.

Các bạn Đalat ơi, những lần được nhìn thấy lại hàng cây anh đào chạy dài theo dốc chợ dẫn lên khu phố Hòa Bình hay cảnh hoa anh đào đang nở rộ đua nhau khoe thắm vào mùa Giáng Sinh trên đường Trần Hưng Đạo trong các hình ảnh được ai đó đã từng sống tại Đalat hay du khách viếng thăm thành phố này phổ biến trên các trang mạng xã hội, lòng tôi lại cảm thấy bồi ngùi, vấn vương nhớ về những tháng ngày xưa cũ trước đây khi tôi còn sống ở khu Chi Lăng của mình.

Viết về Đalat, tôi nghĩ rằng những ai đã từng gắn bó và yêu thương thành phố này, đều đã viết đầy đủ. Mặc dù bài viết của các bạn có rất nhiều chi tiết khác nhau, cách hành văn khác nhau, hình ảnh được các bạn miêu tả dưới nhiều góc cạnh cũng khác nhau. Nhưng tựu chung, đều là những nét đẹp và thân thương nhất về thành phố của chúng ta. Tôi cũng như các bạn, mặc dù chúng ta đều là dân chính gốc Đalat, nhưng tôi nghĩ rằng, mình sống ở khu vực nào của thành phố thì chỉ biết rõ khu vực đó mà thôi. Những địa danh nổi tiếng và thơ mộng của Đalat đều đã được viết hết rồi, tôi không nhắc lại ở đây nữa.

Thưa các bạn, vì tôi là một cựu học sinh trường trung học Phương Mai ở Đalat trước đây, một người con chính gốc của thành phố Hoa Đào, nên tôi mạo muội viết bài này gửi đến các bạn gốc Đalat như tôi, cùng đọc và cùng chia sẻ với tôi vì Tình Thương và Nhớ Nhớ về thành phố đã một thời ấp ủ và cưu mang chúng ta cho đến ngày đủ lông, đủ cánh để tung bay bốn phương trời. Thưa các bạn, tôi nghĩ được điều gì hay nhớ lại được những gì về thành phố của chúng ta, thì tôi viết lại những điều đó dù còn nhiều thiếu sót, đôi khi lại không đầu, không đuôi, mong các bạn thông cảm và tha thứ cho tôi.

Nhưng nếu viết về Đalat mà không nhắc đến làng Đa Lợi Trại Hàm là một điều thiếu sót lớn, phải không các bạn? Tôi muốn nói đến loại mận ngọt và thơm ngon của Trại Hàm. Như các bạn đều biết, đặc biệt ở làng này, nhà nào cũng trồng mận, nhiều hay ít tùy theo diện tích đất của mình. Nhưng không phải ở thành phố Hoa Đào, chỗ đất nào cũng có thể trồng được loại mận này như ở làng Đa Lợi Trại Hàm đâu các bạn.

Các bạn biết không, mận trồng ở đất Trại Hàm có vị ngọt thanh, đậm đà và thơm ngon. Nhưng cũng cây mận này, nếu đem trồng ở thôn Định An dưới chân đèo Prenn, chỉ cách thành phố Đalat hơn 10 cây số, thì quả mận lại chua và có vị đắng. Tôi không biết vì sao lại có sự khác biệt này. Theo suy nghĩ thiên cận của tôi, có thể đất đai, thổ nhưỡng và khí hậu giữa hai nơi có khác nhau đôi chút mà quả mận không còn ngon ngọt như khi được trồng trên đất ở làng Đa Lợi. Không biết điều này có đúng như sự suy nghĩ nông cạn của tôi hay không? Trước năm 1975, mận Trại Hàm nổi tiếng khắp nơi. Khi quả mận chín vàng và mọng nước, có mùi thơm và có vị ngọt như đường phèn vậy. Những người Đalat như chúng ta, đều đã một vài lần được thưởng thức loại mận này, phải không các bạn? Có thể nói rằng, hằng năm cứ đến mùa mận chín vàng ở làng Đa Lợi, chúng ta đều tìm về Trại Hàm để ăn những quả mận đầu mùa còn trĩu nặng và đông đưa trên cành. Du khách từ phương xa khi đến thăm Đalat vào mùa mận, cũng phải ghé vào làng này để thưởng thức và mua đem về biếu bạn bè, người thân của mình món quà đặc sản thơm ngon của Đalat.

Các bạn ơi, không những tôi thích ăn loại mận được trồng ở làng Đa Lợi Trại Hàm, mà tôi còn yêu luôn cả ngôi làng bé nhỏ xinh xinh này như yêu máu thịt của mình vậy. Vì yêu Trại Hàm như thế, nên tôi thường ghé đến ngôi làng này vào những ngày cuối tuần khi tôi được phép xuất trại về thăm cha mẹ tôi ở Chi Lăng. Nhờ lui

tới thường xuyên, nên tôi có dịp làm quen được người thiếu nữ đẹp nhất làng thời bấy giờ. Cô là con gái chủ nhân của một trong những vườn mận ngọt của làng này. Từ đó, tôi đóng đô ở đây trong suốt thời gian tôi còn là sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại Đalat. Sau 3 năm thụ huấn tại quân trường này, cuối tháng 12 năm 1962, tôi ra trường rồi vâng lệnh cha mẹ đôi bên, chúng tôi trở thành vợ chồng. Kể từ đó, nàng là người vợ hiền của tôi, là người đầu gối tay ấp của tôi, cùng tôi chia ngọt, xẻ bùi cho đến tận bây giờ.

Nay đầu tóc của chúng tôi đã bạc trắng, vui cùng con cháu tại đất nước tự do và nhân bản này

Toulouse ngày 10 tháng 12 năm 2017

Nguyen Tuan